**PHỤ LỤC 2**

**HƯỚNG DẪN CÁCH XÁC ĐỊNH TỶ LỆ DỰ TRỮ THANH KHOẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-NHNN ngày tháng năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân háng Phát triển Việt Nam)*

**1. Biểu mẫu tính “Tài sản có tính thanh khoản cao”:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục** | **Khoản mục** | **Số liệu** |
| 1 | Tiền mặt, vàng |  |
| 2 | Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước |  |
| 3 | Các loại giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước |  |
| 4 | Tiền trên tài khoản thanh toán, trừ các khoản đã cam kết cho mục đích thanh toán cụ thể |  |
| 5 | Tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác ở trong nước và nước ngoài |  |
| 6 | Các loại trái phiếu, tín phiếu do Chính phủ các nước, Ngân hàng Trung ương các nước có mức xếp hạng từ AA trở lên phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán |  |
| **7** | **Tổng cộng (A) = (1÷ 6)** |  |

**2. Hướng dẫn cách lấy số liệu:**

*Mục 1*: Số dư tiền mặt, giá trị của vàng trên cân đối kế toán tại thời điểm cuối tháng.

*Mục 2:* Số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi ký quỹ tại Ngân hàng Nhà nước trên cân đối kế toán tại thời điểm cuối tháng.

*Mục 3*: Giá trị ghi sổ các loại giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm cuối tháng.

*Mục 4*: Số dư tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đại lý trên cân đối kế toán tại thời điểm cuối tháng, trừ đi các khoản đã cam kết cho mục đích thanh toán cụ thể.

*Mục 5*: Số dư tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác ở trong nước và nước ngoài trên cân đối kế toán tại thời điểm cuối tháng.

*Mục 6*: Giá trị ghi sổ trên cân đối kế toán của trái phiếu, tín phiếu do Chính phủ, Ngân hàng Trung ương các nước phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán, được tổ chức xếp hạng quốc tế (Standard & Poor’s, Fitch Rating) xếp hạng từ mức AA hoặc tương đương trở lên hoặc thang thứ hạng tương ứng của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập khác tại thời điểm cuối tháng.

**3. Nguyên tắc tính “Tài sản có tính thanh khoản cao”:**

(i) Mục 3 và Mục 6 phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được sử dụng ngay để chi trả hoặc dễ chuyển đổi thành tiền với chi phí giao dịch thấp;

- Không được dùng để bảo đảm cho các nghĩa vụ tài chính khác;

- Không bao gồm số dư giấy tờ có giá đang đem đi chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố, bán có kỳ hạn;

- Không bao gồm giấy tờ có giá mà tổ chức phát hành không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán lãi, gốc;

(ii) Tài sản có tính thanh khoản cao là giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch của Ngân hàng Nhà nước; các loại trái phiếu, tín phiếu do Chính phủ, Ngân hàng trung ương các nước phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán, được tổ chức xếp hạng quốc tế (Standard & Poor’s, Fitch Rating) xếp hạng từ mức AA hoặc tương đương trở lên hoặc thang thứ hạng tương ứng của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập khác có mệnh giá bằng đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ tự do chuyển đổi.